

SỬ DỤNG MÔ HÌNH KINH TẾ LƯỢNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VN

Lê Quốc Hội

Mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng đã và đang thu hút sự quan tâm và tranh luận của các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách trên thế giới. Hiểu được tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng và những yếu tố ảnh hưởng đến tác động là mấu chốt trong việc thực hiện mục tiêu duy trì tăng trưởng bền vững. Thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu về tăng trưởng và bất bình đẳng ở VN. Tuy nhiên, chưa có công trình định lượng nào nghiên cứu các kênh bất bình đẳng thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế. Thông qua sử dụng số liệu điều tra mức sống hộ gia đình và số liệu từ 61 tỉnh, thành trong giai đoạn 1998-2006, bài viết này kiểm định và ước lượng tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở VN.

1. Các lý thuyết về tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng từ lâu đã trở thành chủ đề được quan tâm của các nhà nghiên cứu ở các nước phát triển cũng như đang phát triển. Giả thuyết hình chữ U ngược của Kuznets (1955) có lẽ là nghiên cứu đầu tiên xem xét mối quan hệ giữa bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và tăng trưởng kinh tế. Theo Kuznets, bất bình đẳng sẽ tăng cùng với tăng trưởng trong giai đoạn đầu của sự phát triển nhưng sẽ giảm trong giai đoạn sau. Tuy nhiên, giả thuyết của Kuznets mới chỉ ra được những nhận định từ việc quan sát nhịp độ tăng trưởng của các nước chứ chưa giải thích được nguyên nhân nào tạo ra sự thay đổi về mức độ bất bình đẳng trong quá trình phát triển.

Trong những thập kỷ gần đây, một loạt các lý

thuyết khác đã được đưa ra để xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng. Thay vì tập trung vào giả thuyết của Kuznets, các nhà nghiên cứu trong dòng lý thuyết tăng trưởng nội sinh đã đưa ra những công trình nghiên cứu để tìm hiểu tác động của bất bình đẳng lên tăng trưởng kinh tế và chỉ rõ các kênh mà qua đó tác động này thực hiện. Trên thực tế, có 6 lý thuyết chính xem xét tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế.

Lý thuyết phân phối được xây dựng bởi các nhà nghiên cứu Alesina và Rodrik (1994), Persson và Tabellini (1994), Perotti (1993), Bao và Guo (2004), và Borck (2007) đã xây dựng mối quan hệ giữa bất bình đẳng và tăng trưởng thông qua tái phân phối. Trong những xã hội dân chủ, mức thuế được xác định bởi những người trung lưu. Thuế được đánh tỷ lệ thuận với thu nhập và mang tính

lũy tiến. Thuế lũy tiến nhằm phân phối lại thu nhập cho mọi người một cách công bằng hơn. Lợi ích mà người nghèo nhận được sẽ lớn hơn lợi ích người giàu nhận được. Người nghèo thích đánh thuế lũy tiến để được phân phối lại nhiều hơn và hưởng lợi nhiều hơn. Nhưng trong xã hội bất bình đẳng, thu nhập của người trung lưu thấp hơn mức thu nhập trung bình của xã hội, điều này làm giảm đầu tư và nỗ lực lao động, từ đó làm cho tăng trưởng chậm hơn. Kết luận được rút ra là bất bình đẳng đòi hỏi tái phân phối diễn ra mạnh mẽ nhưng đi cùng với nó là tăng trưởng thấp hơn.

Lý thuyết thị trường vốn không hoàn hảo được xây dựng bởi các nhà nghiên cứu Galor và Zeira (1993), Aghion và Bolton (1997), Chiou (1998) dựa trên ảnh hưởng của thị trường vốn không hoàn hảo. Cụ thể, trong những nước mà các chủ thể không được tự do tiếp cận với các nguồn vốn vay, bất bình đẳng hàm ý rằng một tỷ lệ tương đối lớn của dân số sẽ không có vốn để đầu tư cho giáo dục. Do vậy, nếu tăng trưởng được dựa trên đầu tư vào nguồn nhân lực thì tăng trưởng sẽ thấp. Sự phân phối lại sẽ thúc đẩy tăng trưởng bởi vì nó cho phép người nghèo có thể đầu tư vào nguồn nhân lực của họ. Nếu nền kinh tế phát triển, thị trường vốn sẽ được hoàn thiện và những tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế sẽ đóng vai trò quan trọng hơn ở những nước nghèo. Lý thuyết này đã chỉ ra được bất bình đẳng khiến cho người nghèo gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với tín dụng và qua đó ảnh hưởng đến tăng trưởng.

Lý thuyết liên kết của Benabou (1996) cung cấp một khung khổ mà ở đó tác động của tái phân phối lên tăng trưởng không nhất thiết là tuyến tính. Ở đây, có hai tác động ngược chiều nhau. Phân phối lại là tốt nếu chi tiêu công được dành cho đầu tư giáo dục ở một nước với thị trường vốn không hoàn hảo, và phân phối lại sẽ mang tác động tiêu cực nếu nó chỉ chuyển đổi thu nhập từ người giàu sang người nghèo vì điều này làm giảm lợi tức và ý muốn đầu tư của người giàu. Do vậy, tăng trưởng có liên kết hình chữ U ngược đối với tái phân phối và tái phân phối có liên kết hình chữ U ngược đối với bất bình đẳng.

Lý thuyết bất ổn định về chính trị - xã hội được xây dựng bởi các nhà nghiên cứu Benhabib và Rustichini (1996), Grossman và Kim (1996). Lý thuyết này nhấn mạnh hệ quả của bất bình đẳng đến sự bất ổn định chính trị và xã hội. Cụ thể, bất bình đẳng là một nhân tố quan trọng quyết

định đến bất ổn về chính trị và xã hội và nó có tác động tiêu cực đến tăng trưởng thông qua việc làm giảm kỳ vọng lợi ích từ đầu tư. Bất bình đẳng làm gia tăng xung đột và mâu thuẫn xã hội và hệ quả là làm cho việc sở hữu tài sản luôn ở trong tình trạng ít an toàn nhất và làm giảm tăng trưởng. Hơn nữa, sự tham gia của người nghèo vào tội phạm và những hành động chống đối xã hội biểu hiện của sự lãng phí trực tiếp nguồn lực vì thời gian và vật chất của tội phạm không đóng góp vào hoạt động sản xuất. Như vậy, có thể thấy chính trị xã hội mất ổn định gây tác động xấu đến tăng trưởng của một quốc gia và nguyên nhân chính của nó là do sự bất bình đẳng thu nhập gây nên.

Lý thuyết những vấn đề về giáo dục và sinh sản được xây dựng bởi Perotti (1996), Kremer và Chen (2000), De la Croix và Doepke (2003). Theo lý thuyết này, bất bình đẳng có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua quyết định của các hộ gia đình về giáo dục và sinh đẻ. Bố mẹ phải tối ưu hóa việc sử dụng những nguồn lực của gia đình bằng cách thông qua cải thiện về chất lượng giáo dục hoặc về số lượng (sinh đẻ) con cái họ. Do giáo dục có chi phí tương đương với những thu nhập kiếm được mà họ mất đi khi ở trường, các gia đình nghèo sẽ không đầu tư vào giáo dục và thay vào đó là tăng số lượng con cái. Tuy nhiên, tăng trưởng được thúc đẩy bởi sự đầu tư vào nguồn nhân lực. Do vậy một xã hội có bất bình đẳng cao sẽ có một số lượng lớn những gia đình nghèo đầu tư vào tăng nhân khẩu hơn là vào giáo dục. Tỷ lệ sinh sản cao của xã hội này sẽ dẫn đến tăng trưởng thấp và bất bình đẳng thu nhập tăng.

Lý thuyết so sánh xã hội của Knell (1998) được xây dựng trên cơ sở so sánh các cá nhân trong xã hội. Lý thuyết này dựa trên giả định rằng tối đa hoá lợi ích của mỗi cá nhân không chỉ phụ thuộc vào mức tiêu dùng của bản thân mà còn phụ thuộc vào mức tiêu dùng trung bình của một số nhóm tiêu biểu. Trong một xã hội bất bình đẳng, các gia đình nghèo thường bị lôi cuốn phải tuân theo quy tắc và kỳ vọng về những chuẩn mực xã hội bằng cách tham gia vào những hoạt động tiêu dùng cao hơn thông qua giảm đầu tư vào giáo dục để giảm khoảng cách với những gia đình giàu. Những hoạt động như vậy sẽ tối đa hoá phúc lợi hiện tại nhưng sẽ làm giảm tăng trưởng và phúc lợi tương lai. Kết quả là đầu tư vốn nhân lực sẽ thấp và tăng trưởng kinh tế thấp.

Như vậy, các lý thuyết đã chỉ ra các kênh bất bình đẳng có thể tác động đến tăng trưởng. Tuy nhiên, sự tác động qua các kênh này có thể diễn ra theo nhiều chiều khác nhau. Hơn nữa, rất khó để xác định kênh nào sẽ có vai trò chi phối nếu chỉ xem xét các lý thuyết và phân tích định tính. Do vậy, để nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng cần thiết phải sử dụng mô hình kinh tế lượng để kiểm định các kênh tạo ra bất bình đẳng và ước lượng tác động của những kênh này đến tăng trưởng kinh tế.

2. Mô hình kinh tế lượng về tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế

Dựa trên cơ sở các nghiên cứu thực nghiệm được thực hiện ở trên thế giới (Alesina và Rodrik, 1994; Persson và Tabellini, 1994; Knowles, 2001), mô hình về tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng ở VN được sử dụng như sau:

$$\text{GROWTH}_i = \alpha_0 + \alpha_1 \text{INEQUALITY}_i + \alpha_i X_i + \varepsilon_i \quad (1)$$

Trong đó GROWTH là tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong thời kỳ 1998-2006, INEQUALITY là bất bình đẳng thu nhập năm 1998, i là tỉnh hoặc thành phố. Có 2 chỉ số được sử dụng để đo lường bất bình đẳng: (i) hệ số GINI - INEQ (GINI) và (ii) chênh lệch về thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất và 20% nghèo nhất - INEQ (TOPBOT-TOM). X là các biến số kinh tế - xã hội khác có tác động đến tăng trưởng của các tỉnh/thành, bao gồm: INPC - GDP bình quân đầu người năm 1998; HUMCAP - trình độ nguồn nhân lực được đo bằng tỷ lệ số người biết chữ bình quân giai đoạn 1998-2006; INVEST - vốn đầu tư được đo lường bằng tỷ lệ đầu tư nhà nước trên GDP bình quân giai đoạn 1998-2006; OPENNESS - độ mở của nền kinh tế đo lường bằng tỷ lệ của tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên GDP bình quân giai đoạn

1998-2006.

Để ước lượng và kiểm định các kênh mà qua đó bất bình đẳng tác động đến tăng trưởng kinh tế, dựa trên các nghiên cứu của Perotti (1996), Figini (1999), Castello và Domenech (2002), mô hình hai phương trình sau đây được sử dụng:

$$\text{GROWTH}_i = \beta_0 + \beta_1 \text{CHANNEL}_i + \beta_i X_i + \varepsilon_i \quad (2)$$

$$\text{CHANNEL}_i = \delta_0 + \delta_1 \text{INEQUALITY}_i + \delta_i W_i + \varepsilon_i \quad (3)$$

Trong đó, X là các biến kiểm soát có tác động đến tăng trưởng, W là các biến kiểm soát có tác động đến các kênh (CHANNEL) mà qua đó bất bình đẳng tác động đến tăng trưởng. Mô hình được ước lượng theo 2 bước. Đầu tiên ước lượng tác động của bất bình đẳng đến các kênh, sau đó ước lượng tác động của các kênh đến tăng trưởng. Theo lý thuyết ở phần trên có 6 kênh chính, tuy nhiên do sự hạn chế về số liệu và xuất phát từ những điều kiện đặc thù của VN, bài viết này chỉ nghiên cứu 4 kênh: kênh thị trường vốn không hoàn hảo, kênh đầu tư cho giáo dục, kênh phân phối và kênh dân số-sinh sản. Sở dĩ bài viết này không xem xét kênh bất ổn định chính trị-xã hội vì thực tế điều này không xảy ra ở VN trong thời kỳ nghiên cứu. Hơn nữa, vì thời gian nghiên cứu ở đây quá ngắn (chỉ 8 năm từ 1998-2006), bài viết cũng không xem xét kênh liên kết để xem liệu có mối quan hệ không tuyến tính giữa tăng trưởng và bất bình đẳng hay không. Để xem xét kênh thị trường vốn không hoàn hảo, chúng ta sử dụng biến CAPMARK - được đo lường bằng tỷ lệ vốn tín dụng trên GDP bình quân của của tỉnh/thành phố giai đoạn 1998-2006. Đại diện cho kênh đầu tư cho giáo dục là biến HUMCAP như trên. Kênh phân phối được xem xét qua biến REDISTR - đo lường bằng tỷ lệ của tổng thu thuế trên GDP bình quân của của tỉnh/thành phố giai đoạn 1998-2006.

Biến đại diện cho kênh dân số-sinh đẻ là FERT - được đo lường bằng số trẻ em dưới 5 tuổi trên dân số của của tỉnh/thành phố giai đoạn 1998-2006. Bài viết này nghiên cứu trong thời kỳ 1998-2006 vì đây là thời kỳ có đầy đủ số liệu cho 61 tỉnh/thành của VN. Số liệu về GDP, đầu tư, nguồn nhân lực, xuất nhập khẩu, vốn tín dụng, thuế, dân số... được lấy từ nguồn của Tổng cục Thống kê. Số liệu về hệ số GINI và chênh lệch thu nhập giữa 20% giàu nhất và 20% nghèo nhất được tính toán từ số liệu điều tra mức sống hộ gia đình.

Trong bài viết này, việc ước lượng tác động của tăng trưởng và bất bình đẳng được xem xét ở cấp tỉnh/thành bởi ba lý do. Thứ nhất, các tỉnh/thành thường chứa đựng các đặc trưng riêng như nguồn lực, điều hành kinh tế... đặc biệt sự khác biệt trong việc tiếp cận các cơ hội có ảnh hưởng đến tăng trưởng và bất bình đẳng. Các sự khác biệt này có thể làm cho kết quả phân tích thiếu chính xác và kém phong phú nếu việc phân tích dừng ở mức toàn bộ nền kinh tế. Thứ hai, tỉnh/thành là đơn vị nhỏ nhất mà chúng ta có thể thu thập được số liệu về GDP, bất bình đẳng và các biến số liên quan khác. Thứ ba, việc sử dụng số liệu tỉnh/thành thay vì số liệu cả nước cho phép kích thước mẫu tăng lên đáng kể và do đó độ tin cậy của các ước lượng thu được từ mô hình cũng như các suy diễn thống kê sử dụng các giá trị ước lượng này được tăng lên. Trong bài viết này, phương pháp ước lượng hồi quy bình phương tối thiểu (OLS) được sử dụng. Để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi (heteroscedasticity), mô hình được ước lượng bằng cách sử dụng sai số điều chỉnh White.

3. Kết quả ước lượng và phân tích

3.1. Tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng

Kết quả ước lượng ở Bảng 1 cho thấy hệ số các biến giải thích trong mô hình bao gồm thu nhập bình quân đầu người, trình độ giáo dục và đầu tư nhà nước là dương và có ý nghĩa thống kê cao. Điều này có nghĩa rằng đây là các nhân tố có tác động tích cực đến tăng trưởng tại các tỉnh/thành của VN. Cụ thể, tỉnh nào có mức, thu nhập bình quân đầu người cao, trình độ giáo dục cao và mức độ đầu tư lớn thì sẽ có tăng trưởng cao hơn. Hệ số của biến OPENNESS là dương nhưng không có ý nghĩa thống kê cao nên không thể kết luận được độ mở của các tỉnh/thành có tác động tích cực đến tăng trưởng.

Bảng 1: Kết quả ước lượng tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng

Biến giải thích	GROWTH	GROWTH
INPC	0,003 (0,001)*	0,003 (0,001)*
HUMCAP	0,042 (0,02)**	0,045 (0,02)**
INVEST	0,056 (0,03)**	0,061 (0,03)*
OPENNESS	0,56 (0,35)	0,58 (0,39)
INEQ (GINI)	-2,51 (2,96)	
INEQ (TOPBOT-TOM)		-0,039 (0,17)
Biến cố định	1,34 (4,17)	0,29 (3,92)
Số quan sát	61	61
R ²	0,42	0,41

Chú thích: (i) Trong ngoặc là độ lệch chuẩn; (ii) ***, ** và * có ý nghĩa lần lượt ở mức 10%, 5% và 1%.

Hệ số của cả hai biến INEQ (GINI) và INEQ (TOPBOTTOM) là âm nhưng không có ý nghĩa thống kê cao. Do vậy chúng ta không thể kết luận được mối quan hệ ngược chiều giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, không thể khẳng định được rằng tỉnh/thành nào có bất bình đẳng lớn thì sẽ có tốc độ tăng trưởng chậm và ngược lại. Điều này có thể giải thích bởi thực tế rằng ở VN thời gian qua có những loại bất bình đẳng tác động tiêu cực đến tăng trưởng nhưng cũng có những bất bình đẳng tạo động lực tăng trưởng. Chuyển đổi cơ chế từ kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường đã làm gia tăng bất bình đẳng giữa nông thôn và thành thị, giữa dân tộc Kinh với dân tộc thiểu số... Tuy nhiên, cơ chế mới đã loại bỏ dần tính bình quân bao cấp, phát huy các hình thức phân phối theo nguyên tắc thị trường, khuyến khích làm giàu bằng việc phát huy các nguồn lực về vốn, trình độ học vấn, chuyên môn, sức lao động, kinh nghiệm làm ăn... Cơ chế này làm gia tăng bất bình đẳng ở nước ta nhưng lại tạo ra động lực cho mọi người làm việc và cống hiến, qua đó tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Do vậy, để đánh giá chính xác hơn mối quan

hệ giữa bất bình đẳng và tăng trưởng ở VN chúng ta phải ước lượng và kiểm định các kênh mà qua đó bất bình đẳng có tác động đến tăng trưởng kinh tế.

3.2. Các kênh bất bình đẳng tác động đến tăng trưởng

Kênh thị trường vốn không hoàn hảo

Kết quả ước lượng tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng qua kênh thị trường vốn không hoàn hảo ở cột 2 của Bảng 2 cho thấy bất bình đẳng tác động tiêu cực đến việc tiếp cận vốn. Ngược lại, kết quả ở cột 1 lại cho thấy việc tiếp cận vốn lại có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Như vậy, những tỉnh/thành nào có bất bình đẳng cao hơn sẽ có tăng trưởng thấp hơn vì nó hạn chế khả năng tiếp cận vốn cho phát triển kinh tế. Kết quả ở cột 4 về mối quan hệ ngược chiều giữa tiếp cận vốn với trình độ giáo dục khẳng định thêm kết luận này. Thực tế ở nhiều tỉnh, nhiều bộ phận dân cư, đặc biệt là người nghèo, không có cơ hội tiếp cận vốn để đầu tư cho giáo dục và kết quả làm tăng trưởng chậm lại. Điều này cho thấy lý thuyết thị trường vốn không hoàn hảo được kiểm chứng ở VN.

Bảng 2: Kết quả ước lượng tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng qua kênh thị trường vốn không hoàn hảo và kênh giáo dục

Chú thích: (i) Trong ngoặc là độ lệch chuẩn; (ii) ***, ** và * có ý nghĩa lần lượt ở mức 10%, 5% và 1%.

Biến giải thích	GROWTH 1	CAPMARK 2	GROWTH 3	HUMCAP 4
INPC	0,003 (0,001)**	0,013 (0,009)**	0,002 (0,001)**	0,002 (0,001)**
HUMCAP		0,025 (0,01)**	0,051 (0,02)*	
INVEST	0,057 (0,02)*	0,024 (0,01)*	0,035 (0,007)*	0,014 (0,005)*
OPENNESS	0,61 (0,36)	0,08 (0,39)	0,09 (0,24)	0,07 (0,04)**
INEQ (GINI)		-0,07 (0,01)*		-0,15 (0,04)*
CAPMARK	0,071 (0,02)**			-0,07 (0,02)**
Biến cố định	1,34 (4,17)	4,39 (4,12)	1,34 (3,87)	5,20 (4,75)
Số quan sát	61	61	61	61
R ²	0,44	0,43	0,40	0,41

Kênh giáo dục

Kết quả ước lượng ở cột 4 Bảng 2 cho thấy hệ số của biến INEQ là âm và có ý nghĩa thống kê cao, hàm ý rằng bất bình đẳng cao hạn chế trình độ giáo dục. Kết quả ở cột 3 cho thấy mối quan hệ cùng chiều giữa trình độ giáo dục với tăng trưởng. Do vậy có thể khẳng định những tỉnh/thành có bất bình đẳng cao sẽ hạn chế tăng trưởng vì nó làm hạn chế đầu tư vào giáo dục. Kết quả này phù hợp với thực tế VN trong những năm vừa qua, đó là bất bình đẳng về tiếp cận giáo dục đã dẫn đến kết quả là có sự khác biệt rất lớn về trình độ giáo dục giữa các bậc học giữa nông thôn và thành thị, giữa dân tộc thiểu số và người Kinh/Hoa. Năm 2002, chênh lệch giữa nông thôn và thành thị về tỷ lệ nhập học tiểu học là 5%, trung học cơ sở là 9% và trung học phổ thông là 21%. Khoảng cách này giữa dân tộc thiểu số và người Kinh/Hoa còn lớn hơn, với 8% cho bậc tiểu học, 28% cho bậc trung học cơ sở và 29% cho bậc trung học phổ thông (WB, 2003). Sự chênh lệch về trình độ giáo dục đã làm tác động đến sự khác nhau về năng suất lao động và thu nhập và cuối cùng làm cho tăng trưởng kinh tế có sự khác nhau. Như vậy, lý thuyết về so sánh xã hội là đúng với thực tế ở VN trong thời gian qua.

Kênh phân phối

Kết quả ước lượng ở cột 1 Bảng 3 cho thấy mối quan hệ cùng chiều giữa biến phân phối và biến tăng trưởng. Tuy nhiên, kết quả ở cột 2 lại cho thấy mối quan hệ ngược chiều giữa bất bình đẳng và phân phối không có ý nghĩa thống kê. Như vậy không thể kết luận sự phù hợp của lý thuyết phân phối ở VN. Cụ thể, không thể khẳng định rằng bất bình đẳng tác động đến tăng trưởng kinh tế VN qua kênh phân phối. Ngược lại, cơ chế phân phối nguồn lực có ảnh hưởng mạnh đến bất bình đẳng. Thực tế, trong những năm qua, VN thực hiện ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các ngành và dự án dùng nhiều vốn, các vùng kinh tế trọng điểm và các doanh nghiệp nhà nước. Việc áp dụng định hướng phân bổ nguồn lực như vậy đã tạo ra tăng trưởng cao nhưng không mở rộng cơ hội việc làm tương ứng và tạo ít thu nhập cho người lao động. Vì vậy, lợi ích của tăng trưởng không được phân bổ một cách rộng rãi cho các tầng lớp dân cư và gây ra tình trạng bất bình đẳng.

Bảng 3: Kết quả ước lượng tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng qua kênh phân phối và dân số - sinh sản

Biến giải thích	GROWTH	REDISTR	GROWTH	FERT
	1	2	3	4
INPC	0,002 (0,001)**	0,013 (0,007)**	0,003 (0,001)**	(0,01) (0,005)**
HUMCAP	0,05 (0,02)**	0,15 (0,06)**	0,06 (0,01)*	(0,17) (0,05)*
INVEST	0,06 (0,01)*	0,28 (0,11)**	0,07 (0,03)**	(0,02) (0,009)**
OPENNESS	0,64 (0,58)	0,02 (0,39)	0,55 (0,44)	0,07 (0,14)
INEQ (GINI)		(0,05) (0,07)		0,19 (0,04)*
REDISTR	0,18 (0,07)**			
FERT			(0,01) (0,004)*	
Biến cố định	3,88 (4,46)	0,39 (4,12)	5,28 (4,85)	3,35 (3,86)
Số quan sát	61	61	61	61
R squared	0,42	0,43	0,42	0,41

Chú thích: (i) Trong ngoặc là độ lệch chuẩn; (ii) ***, ** và * có ý nghĩa lần lượt ở mức 10%, 5%, và 1%.

Kênh dân số-sinh sản

Tác động của bất bình đẳng đến tăng trưởng qua kênh dân số - sinh sản được thể hiện ở cột 3 và 4 của Bảng 3. Kết quả ở cột 4 cho thấy, mối quan hệ giữa biến bất bình đẳng và biến dân số-sinh sản là dương, hàm ý rằng những tỉnh/thành có bất bình đẳng cao thì kéo theo tỷ lệ dân số/sinh sản cao. Kết quả cột 3 lại cho thấy, tỷ lệ dân số/sinh sản lại tác động tiêu cực đến tăng trưởng. Như vậy, bất bình đẳng cao sẽ dẫn tới tăng trưởng thấp thông qua kênh tạo ra sự gia tăng dân số/sinh đẻ. Điều này đúng với thực tế ở VN, đó là tình trạng bất bình đẳng cao ở một số địa phương đã làm cho một bộ phận dân cư không tiếp cận được cơ hội làm ăn hoặc làm ăn yếu kém, sinh đẻ không có kế hoạch, sa vào các tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó bất bình đẳng từ xu hướng thương mại hoá trong giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội khác cũng dẫn đến người nghèo không thể tiếp cận hoặc không được hưởng thụ các phúc lợi xã hội và cuối cùng đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng.

Như vậy, lý thuyết dân số - sinh sản đã được kiểm nghiệm đúng trong điều kiện của VN.

4. Kết luận và khuyến nghị chính sách

Bài viết này đã kiểm định và ước lượng các kênh bất bình đẳng thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế ở VN. Kết quả cho thấy, bất bình đẳng tác động tiêu cực đến tăng trưởng qua việc ảnh hưởng đến việc tiếp cận vốn, giáo dục, y tế và sinh sản. Từ những kết quả ước lượng này có thể đưa ra một số khuyến nghị chính sách sau.

Thứ nhất, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, các chính sách của Nhà nước phải đảm bảo người dân được chia sẻ thành quả của sự phát triển bằng cách quan tâm tới ba lĩnh vực trọng yếu: giáo dục, y tế và an sinh xã hội. Đối với vấn đề giáo dục, Nhà nước đảm bảo cho tất cả mọi người dân tiếp cận đối với giáo dục có chất lượng. Với cấu trúc dân số như hiện nay, lượng học sinh đến tuổi đi học ở các cấp trong thời gian tới sẽ tương đối ổn định, và do đó hệ thống giáo dục có cơ hội để tăng cường chất lượng mà không phải chịu sức ép quá tải. Đối với vấn đề y tế, hệ thống y tế với chi phí vừa phải sẽ giúp nhiều gia đình tránh được bẫy nghèo do chi phí y tế quá cao và mất thu nhập khi gia đình có người ốm. Cung cấp mạng lưới an sinh xã hội cho người nghèo và dễ bị tổn thương bởi những cú sốc hay thăng trầm của nền kinh tế là điều kiện cần thiết để đảm bảo mọi người dân được chia sẻ thành quả của phát triển, đồng thời cũng giúp cho sự phát triển trở nên hài hòa và bền vững hơn. Do vậy, Nhà nước cần cải cách chế độ bảo hiểm cho những người nghèo ở cả nông thôn và thành thị thông qua tài trợ bằng thuế đánh vào các nguồn tài sản như bất động sản, chứng khoán.

Thứ hai, Nhà nước phải hướng vào việc khuyến khích và tạo cơ hội để người nghèo và các nhóm yếu thế tham gia hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh các trợ giúp về giáo dục, y tế, Nhà nước cần thực hiện các chính sách trợ giúp về vốn tín dụng, đất đai, khuyến nông, tiêu thụ sản phẩm. Trong thời gian tới, nông thôn vẫn tiếp tục là nơi sinh sống của đại bộ phận người dân VN, đặc biệt là người nghèo. Vì vậy khu vực nông thôn cần được đầu tư thích đáng về cơ sở hạ tầng để người nông dân có thể tăng được năng suất và giá trị cho các sản phẩm nông nghiệp. Những biện pháp bao gồm việc đầu tư và nâng cấp hệ thống giao thông, liên lạc, bảo quản, chế biến sau thu

hoạch để kết nối khu vực nông thôn với thị trường rộng lớn hơn. Nhà nước cần phải khuyến khích phát triển ngành công nghiệp, dịch vụ và các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn để tạo việc thêm làm và tăng thu nhập cho nông dân.

Thứ ba, VN cần phải cải cách chính sách phân phối tài sản, thu nhập và cơ hội phát triển trong nền kinh tế theo hướng phải đảm bảo công bằng và hướng đến người nghèo. Đối với tiếp cận nguồn lực cho phát triển kinh tế, cần sớm khắc phục tình trạng thiếu công bằng trong việc tiếp cận và sử dụng nguồn lực, đặc biệt là cho các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện tốt những điều chỉnh quyết liệt, công khai minh bạch đối với "nhóm lợi ích" này là biện pháp hữu hiệu để sớm tạo ra sự bình đẳng thực sự giữa các chủ thể kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực tế cho thấy, sự bình đẳng về cơ hội quan trọng hơn sự bình đẳng về thu nhập. Do vậy, Nhà nước cần bảo vệ các quyền đảm bảo cho mọi người có cơ hội như nhau trong việc sử dụng cơ hội phát triển và đạt được thành công. Một khi những quy tắc trò chơi này được thiết lập, Nhà nước sẽ ít phải can thiệp để thay đổi kết quả phân phối thu nhập■

Tài liệu tham khảo

1. Aghion, P. and Bolton, P. (1997), "A Theory of trickle-down growth and development", *Review of Economic Studies*, 64.
2. Alesina, A and Rodrick, D. (1994), "Distributive politics and economic growth", *Quarterly Journal of Economics*, 109.
3. Bao, Y and Guo, T. (2004), "Reexamination of economic growth, tax policy and distributive policies", *Review of Development Economics*, 8(3).
4. Benabou, R. (1996), *Inequality and growth*, NBER Macroeconomics Annual.
5. Benhabib, J and Spiegel, A. (1996), "Social conflict and growth", *Journal of Economic Growth*, 1 (1).
6. Borck, R. (2007), "Voting, inequality and redistribution", *Journal of Economic Survey*, 21.
7. Castello, A and Domenech, R. (2002), "Human capital inequality and economic growth: some new evidence", *Economic Journal*, 112.
8. De la Coix, D and Doepke, M. (2003), "Inequality and growth: why differential fertility matters", *American Economic Review*, 93(4).
9. Galor, O and Zeira, J. (1993), "Income distribution and macroeconomics", *Review of Economic Studies*, 60.
10. Knell, M. (1998), *Social comparisons, inequality and growth*, Mimeo, University of Zurich.
11. Lê Quốc Hội (2010), "Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế: Lý thuyết và thực tiễn ở VN", Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, tháng 1 năm 2010.
12. Perotti, M. (1993), "Political equilibrium, income distribution and growth?", *Review of Economic Studies*, 60 (4).
13. Persson, T and Tabellini, G. (1994), "Is inequality harmful for growth", *American Economic Review*, 84 (3).
14. Kuznets, S. (1955), "Economic growth and income inequality", *American Economic Review*, 45(1).